

Số: 457/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2018

K/c: A. Tuấn (c/d), A. Xuân

- A. Hiền C. Hòa, A. Dung (TL)

- Lưu

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo chi tiết giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học hệ chính quy

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện ngày 30 tháng 03 năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành Chương trình đào tạo chi tiết giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Chương trình đào tạo chi tiết giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện được áp dụng thống nhất trong tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện kể từ Khóa đào tạo 2016 trở đi.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 628/QĐ-HV ngày 12/7/2016 của Giám đốc Học viện về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học tạm thời ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học.

**Điều 4.** Phó Giám đốc Phụ trách Học viện cơ sở Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí &

Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Bộ môn Marketing –  
và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**Tên chương trình:** Truyền thông đa phương tiện

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Truyền thông đa phương tiện

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-HV ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Học viện)

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cử nhân Truyền thông đa phương tiện theo hướng hội nhập quốc tế, làm chủ đồng thời kiến thức, kỹ năng về truyền thông và công nghệ đa phương tiện; có khả năng đảm nhiệm các công việc: chuyên viên truyền thông, PR, quảng cáo tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, nhà báo đa phương tiện tại các cơ quan thông tấn - báo chí, quản lý các dự án đa phương tiện, trợ lý, tư vấn truyền thông đa phương tiện, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

#### 1.2. Về kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức cụ thể sau:

**Kiến thức giáo dục đại cương:** trang bị cho sinh viên kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.

**Kiến thức cơ sở ngành và ngành:** trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về truyền thông và kiến thức nền tảng về đồ họa, nhiếp ảnh, quay phim như lý thuyết truyền thông, truyền thông quốc tế, PR, báo chí, quảng cáo, kỹ thuật nhiếp ảnh, quay phim, thiết kế đồ họa cơ bản.

**Kiến thức chuyên ngành:** trong giai đoạn chuyên ngành sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên sâu về báo chí đa phương tiện, quảng cáo đa phương tiện, quan hệ công chúng, quản lý và tư vấn dự án truyền thông đa phương tiện trên nền tảng các ứng dụng đa phương tiện như: đồ họa đa phương tiện, thiết kế web, sản xuất audio và video.

#### 1.2. Về kỹ năng

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đại học ngành Truyền thông đa phương tiện có các kỹ năng sau:

- Viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện; có kỹ năng tác nghiệp cơ bản của nhà báo đa phương tiện.
- Có kỹ năng tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông.
- Có khả năng ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện
- Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện

### **1.3. Kỹ năng mềm**

Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.

### **1.4. Về Năng lực**

Cử nhân Truyền thông Đa phương tiện có thể đảm nhiệm các công việc sau:

- Chuyên viên truyền thông tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; các bộ phận thông tin tổng hợp của các đơn vị, tổ chức chính trị xã hội.
- Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan thông tấn - báo chí.
- Chuyên viên PR, quảng cáo cho các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.
- Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

### **1.5. Về Hành vi đạo đức**

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc nhóm, có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng.
- Nắm vững các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ.

### **1.6. Về Ngoại ngữ**

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo

## **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm**

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm).

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tham dự và trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy - Tổ hợp môn thi: Toán, Lý, Hóa (khối A) hoặc Toán, Lý, Anh văn (khối A<sub>1</sub>), hoặc Văn, Toán, Anh văn (khối D<sub>1</sub>).

### **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

#### **5.1. Quy trình đào tạo:**

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 kỳ thực tập thực tế tại cơ sở. Cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế tốt nghiệp.

- Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ áp dụng quy chế, quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

#### **5.2. Công nhận tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng **Đại học chính quy** khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

**6. THANG ĐIỂM:** Theo Thang điểm tín chỉ.

### **7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**Khối lượng kiến thức: 126 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)

#### **7.1. Cấu trúc chương trình**

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành và ngành - Kiến thức chuyên ngành	45 30
3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>126</b>

#### **7.2. Nội dung chương trình**

##### **7.2.1. Khối kiến thức chung**

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	BAS1111	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	BAS1112	3	24	6		15		$3x(8^{LT}+2^{BT})$
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	BAS1102	3	24	6		15		$3x(8^{LT}+2^{BT})$
5	Tiếng Anh A11/A21	BAS1141/ BAS1143	3						
6	Tiếng Anh A12/A22	BAS1142/ BAS1144	4						
7	Tiếng Anh A21/B11	BAS1143/ BAS1145	3						
8	Tiếng Anh A22/B12	BAS1144/ BAS1146	4						
9	Tin học cơ sở 1	INT 1154	2	20	4	4	2		$2x(10^{LT}+2^{BT})$
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6		$3x(6^{LT}+2^{BT})$
<b>Tổng:</b>			<b>28</b>						
<b>Kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng</b>									
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2		Kế hoạch riêng
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2		
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	3			165			
<b>Kiến thức kỹ năng (chọn 3/7)</b>									
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1		Kế hoạch riêng
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1		
3	Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103	1	6	8		1		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1		
5	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	SKD1105	1	6	8		1		
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1		
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo và mạo hiểm	SKD1107	1	6	8		1		

### 7.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
11	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
12	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
13	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
15	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL1289	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
16	Nhập môn đa phương tiện	MUL1320	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
	<b>Tổng:</b>		<b>13</b>						

### 7.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

#### 7.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
17	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
18	Lý thuyết truyền thông	MUL1392	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
19	Truyền thông xã hội	MUL1393	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
20	Truyền thông và dư luận xã hội	MUL1394	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
21	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13118	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
22	Các loại hình báo chí hiện đại	MUL13119	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
23	Nhập môn PR	MUL1395	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
24	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
25	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3	32	12		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (8^{LT}+6^{BT})$
26	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3	32	12	2	1 BTC: 8		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (8^{LT}+6^{BT})$
27	Quay phim	MUL13147	3	32	12		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (8^{LT}+6^{BT})$
28	Viết đa phương tiện	MUL1396	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
29	Biên tập văn bản báo chí	MUL1397	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
30	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	MUL1398	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
31	Phòng vấn: Lý thuyết và thực hành	MUL1399	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
32	Diễn thuyết trước công chúng	MUL13100	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
33	Báo chí điều tra	MUL13101	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
34	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	MUL13102	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
<b>Các học phần tự chọn (chọn 3/7)</b>									
35	Kịch bản đa phương tiện	MUL1423	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
36	Thiết kế ấn phẩm báo chí	MUL1463	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
37	Đồ án thiết kế sản phẩm đa phương tiện	MUL14141	2	16	14				$2x(8^{LT}+6^{BT}) + 2^{BT}$
38	Thiết kế tương tác đa phương tiện	MUL1425	2	22	8				$2x(10^{LT}+2^{BT}) + (2^{LT}+4^{BT})$
39	Ngôn ngữ truyền thông	MUL13105	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
40	Truyền thông quốc tế	MUL13103	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
41	Kinh tế truyền thông	MUL13104	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
<b>Tổng:</b>			<b>45</b>						

### 7.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
42	Báo chí đa phương tiện	MUL14106	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
43	Báo chí dữ liệu	MUL14107	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
44	Lý thuyết PR	MUL14108	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
45	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
46	Quảng cáo đa phương tiện	MUL14110	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
47	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
48	Quản lý dự án truyền thông	MUL14112	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
49	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3	32	12		1		$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (8^{LT}+6^{BT})$
50	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3	32	8	4	1		$4x(8^{LT}+2^{BT})$
51	Ứng dụng sản xuất audio và video	MUL14115	3	32	12		1		$5x(6^{LT}+2^{BT}) + (2^{LT}+2^{BT})$
<b>Tổng:</b>			<b>26</b>						

7.2.3.3. **Thực hành chuyên sâu (MUL13116): 4TC**

7.2.3.4. **Thực tập tốt nghiệp (4TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6TC) hoặc học phần thay thế tốt nghiệp**

**8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN VÀ DANH SÁCH HỌC PHẦN TIÊN QUYẾT (Chi tiết kèm theo)**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**TS Vũ Tuấn Lâm**

**KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN  
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

<b>NĂM HỌC THỨ NHẤT</b>				<b>NĂM HỌC THỨ HAI</b>			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	HK1	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK3
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	HK1	2	Tiếng Anh A12/A22	4	HK3
3	Lịch sử văn minh thế giới	2	HK1	3	Các loại hình báo chí hiện đại	2	HK3
4	Pháp luật đại cương	2	HK1	4	Nhập môn Quảng cáo	2	HK3
5	Tin học cơ sở 1	2	HK1	5	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	2	HK3
	Giáo dục thể chất 1		HK1	6	Thiết kế đồ họa cơ bản	3	HK3
	Giáo dục quốc phòng		HK1	7	Quay phim	3	HK3
		<b>10</b>				<b>18</b>	
6	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	HK2	8	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	HK4
7	Tiếng Anh A11/A21	3	HK2	9	Lý thuyết truyền thông	2	HK4
8	Marketing căn bản	3	HK2	10	Ứng dụng thiết kế web	3	HK4
9	Nhập môn đa phương tiện	2	HK2	11	Tiếng Anh A21/B11	3	HK4
10	Nhập môn truyền thông	2	HK2	12	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	HK4
11	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	HK2	13	Truyền thông xã hội	2	HK4
12	Nhập môn PR	2	HK2	14	Pháp luật và đạo đức truyền thông	2	HK4
	Giáo dục thể chất 2		HK2				
		<b>18</b>				<b>18</b>	
<b>NĂM HỌC THỨ BA</b>				<b>NĂM HỌC THỨ TƯ</b>			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Truyền thông và dư luận xã hội	2	HK5	1	PR: Chiến lược và thực hành	3	HK7
2	Phông vấn: Lý thuyết và thực hành	2	HK5	2	Báo chí dữ liệu	2	HK7
3	Tiếng Anh A22/B12	4	HK5	3	Quản lý dự án truyền thông	2	HK7
4	Viết đa phương tiện	2	HK5	4	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	3	HK7
5	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	HK5	5	1 học phần tự chọn (*)	2	HK7
6	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	2	HK5	6	Thực hành chuyên sâu	4	HK7
7	Biên tập văn bản báo chí	2	HK5				
8	1 học phần tự chọn (*)	2	HK5				
		<b>18</b>				<b>16</b>	
9	Báo chí đa phương tiện	3	HK6		Thực tập và tốt nghiệp hoặc học phần thay thế tốt nghiệp	10	HK8
10	Lý thuyết PR	2	HK6				
11	Báo chí điều tra	2	HK6				
12	Quảng cáo đa phương tiện	2	HK6				
13	Ứng dụng sản xuất audio và video	3	HK6				
14	Diễn thuyết trước công chúng	2	HK6				
15	Phương pháp luận NCKH	2	HK6				
16	1 học phần tự chọn (*)	2	HK6				
		<b>18</b>				<b>10</b>	
						<b>126</b>	

*(\*): Các học phần tự chọn*

1	Kịch bản đa phương tiện	2
2	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2
3	Đồ án thiết kế sản phẩm đa phương tiện	2
4	Thiết kế tương tác đa phương tiện	2
5	Ngôn ngữ truyền thông	2
6	Truyền thông quốc tế	2
7	Kinh tế truyền thông	2

**TỔNG CỘNG:**



**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC (TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU, SONG HÀNH)  
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học					Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm			
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	BAS1111	2	HK1							
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	HK1							
3	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	HK1							
4	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	HK1							
5	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	HK1							
6	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	BAS1112	3		HK2					Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	
7	Tiếng Anh A11/A21	BAS1141/ BAS1143	3		HK2						
8	Marketing căn bản	MAR1322	3		HK2						
9	Nhập môn đa phương tiện	MUL1320	2		HK2						
10	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2		HK2						
11	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3		HK2						
12	Nhập môn PR	MUL1395	2		HK2						
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2					HK3		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	
14	Tiếng Anh A12/A22	BAS1142/ BAS1144	4					HK3		Tiếng Anh A11/A21	
15	Các loại hình báo chí hiện đại	MUL13119	2					HK3			
16	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2					HK3			
17	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL1289	2					HK3			
18	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3					HK3			
19	Quay phim	MUL13147	3					HK3		Kỹ thuật nhiếp ảnh	
20	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BAS1102	3					HK4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	
21	Lý thuyết truyền thông	MUL1392	2					HK4		Nhập môn truyền thông	
22	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3					HK4			
23	Tiếng Anh A21/B11	BAS1143/ BAS1145	3					HK4		Tiếng Anh A12/A22	
24	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3					HK4		Thiết kế đồ họa cơ bản	

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
25	Truyền thông xã hội	MUL1393	2		HK4				
26	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13118	2		HK4				
27	Truyền thông và dư luận xã hội	MUL1394	2		HK5		Lý thuyết truyền thông, Truyền thông xã hội		
28	Phòng vấn: Lý thuyết và thực hành	MUL1399	2		HK5				
29	Tiếng Anh A22/B12	BAS1144/ BAS1146	4		HK5		Tiếng Anh A21/B11		
30	Viết đa phương tiện	MUL1396	2		HK5		Các loại hình báo chí hiện đại		
31	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	MUL13102	2		HK5				
32	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	MUL1398	2		HK5				
33	Biên tập văn bản báo chí	MUL1397	2		HK5		Các loại hình báo chí hiện đại		
34	01 học phần tự chọn (*)		2		HK5				
35	Báo chí đa phương tiện	MUL14106	3	✓	HK6		Biên tập văn bản báo chí		
36	Lý thuyết PR	MUL14108	2	✓	HK6		Nhập môn PR		
37	Báo chí điều tra	MUL13101	2		HK5				
38	Quảng cáo đa phương tiện	MUL14110	2	✓	HK6		Nhập môn quảng cáo		
39	Ứng dụng sản xuất audio và video	MUL14115	3	✓	HK6		ứng dụng thiết kế web, ứng dụng đồ họa đa phương tiện		
40	Diễn thuyết trước công chúng	MUL13100	2		HK6				
41	Phương pháp luận NCKH	SDK1108	2		HK6				
42	01 học phần tự chọn (*)		2		HK6				
43	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	✓	HK7		Lý thuyết PR		
44	Báo chí dữ liệu	MUL14107	2	✓	HK7		Báo chí đa phương tiện		
45	Quản lý dự án truyền thông	MUL14112	2		HK7				
46	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	✓	HK7		Nhập môn quảng cáo, Quảng cáo đa phương tiện		
47	01 học phần tự chọn (*)		2		HK7				
48	Thực hành chuyên sâu	MUL13116	4		HK7				
49	Thực tập và tốt nghiệp		10		HK8				

TT      Tên môn học/học phần      Mã số môn học      Số TC      Năm học  
 nhất      hai      ba      thứ      năm      Môn tên quyết      Môn học trước      Môn song hành

**TỔNG CỘNG:**      126      10      18      18      18      18      18      16      10

**Các học phần tự chọn (\*)**

- 1 Kịch bản đa phương tiện      MUL1423      2
- 2 Thiết kế ấn phẩm báo chí      MUL1463      2
- 3 Đồ án thiết kế sản phẩm đa phương tiện      MUL14141      2
- 4 Thiết kế tương tác đa phương tiện      MUL1425      2
- 5 Ngôn ngữ truyền thông      MUL13105      2
- 6 Truyền thông quốc tế      MUL13103      2
- 7 Kinh tế truyền thông      MUL13104      2

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2018

**HIỆU CHỈNH MÃ HỌC PHẦN  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-HV ngày 14/06/2018 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Chương trình đào tạo chi tiết giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học hệ chính quy, Phòng Đào tạo hiệu chỉnh lại mã một số học phần như sau:

STT	Tên học phần	Mã học phần trong Quyết định số 457/ QĐ-HV ngày 14/06/2018	Mã học phần hiệu chỉnh thành
1	Báo chí đa phương tiện	MUL13106	MUL14106
2	Báo chí dữ liệu	MUL13107	MUL14107
3	Lý thuyết PR	MUL13108	MUL14108
4	PR: Chiến lược và thực hành	MUL13109	MUL14109
5	Quảng cáo đa phương tiện	MUL13110	MUL14110
6	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL13111	MUL14111
7	Quản lý dự án truyền thông	MUL13112	MUL14112
8	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL13113	MUL14113
9	Ứng dụng thiết kế web	MUL13114	MUL14114
10	Ứng dụng sản xuất audio và video	MUL13115	MUL14115
11	Thực hành chuyên sâu	MUL13116	MUL14116

**Trân trọng!**

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



**Đặng Văn Tùng**

